



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Hóa chất Việt Trì

Ngày 30/09/2025	30,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.8%	-	-

DT thuần Q3/25
422
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 40.0 10.5%
YoY: ▲ 44.0 11.6%

LN thuần Q3/25
40.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 10.2 33.6%
YoY: ▲ 6.80 20.1%

LN sau thuế Q3/25
32.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.60 31.0%
YoY: ▲ 5.20 19.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
10.0%
YoY: +/- ▲ 1.2%

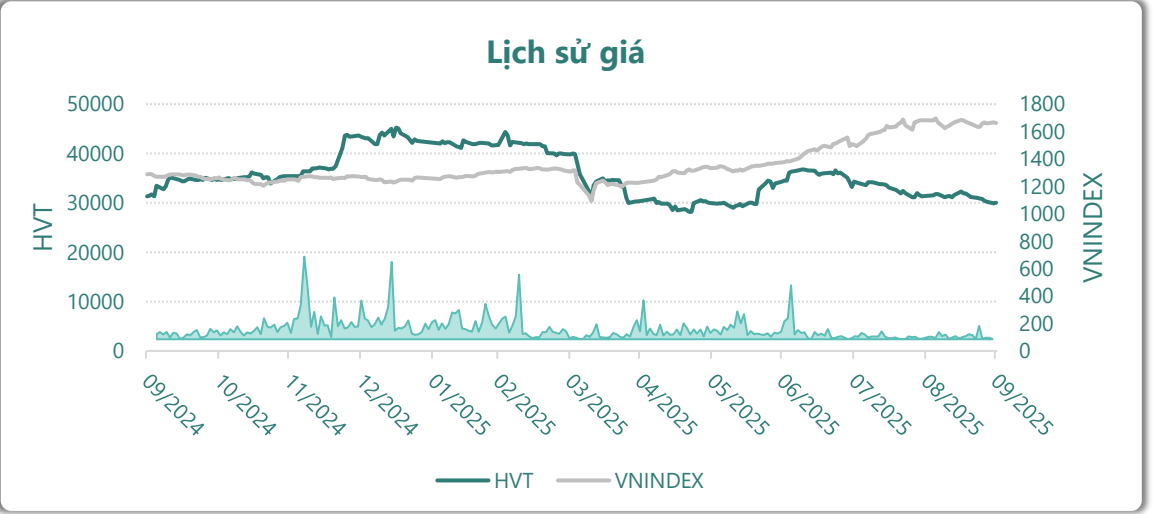
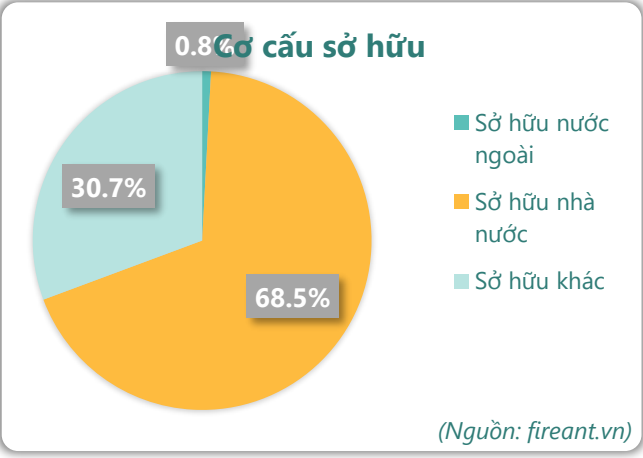
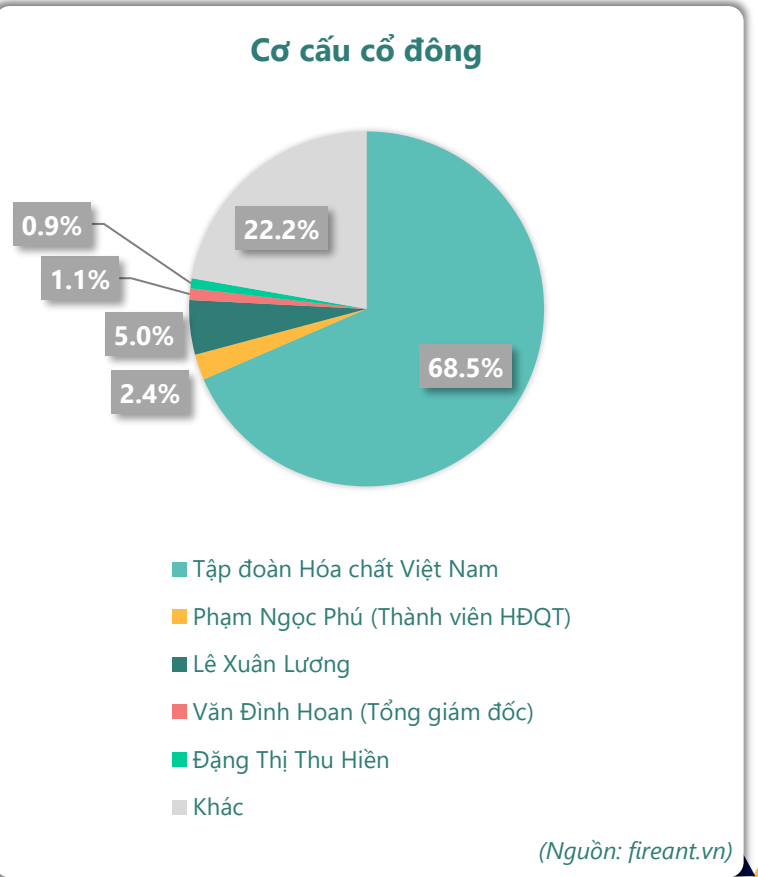
ROE (TTM) Q3/25
22.8%
YoY: +/- ▼ 0.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	28,186 - 45,231
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
Số lượng CPLH (CP)	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,710
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	
EPS	
P/E	

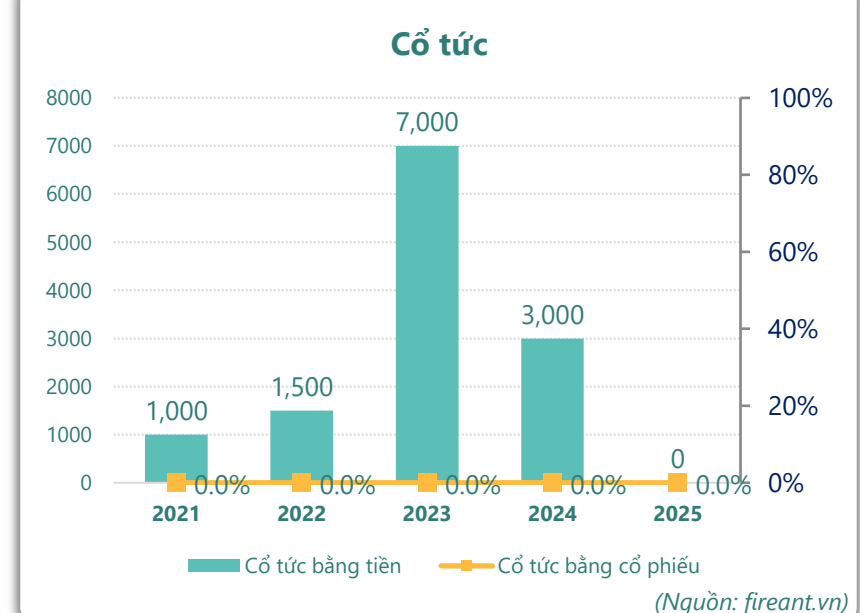
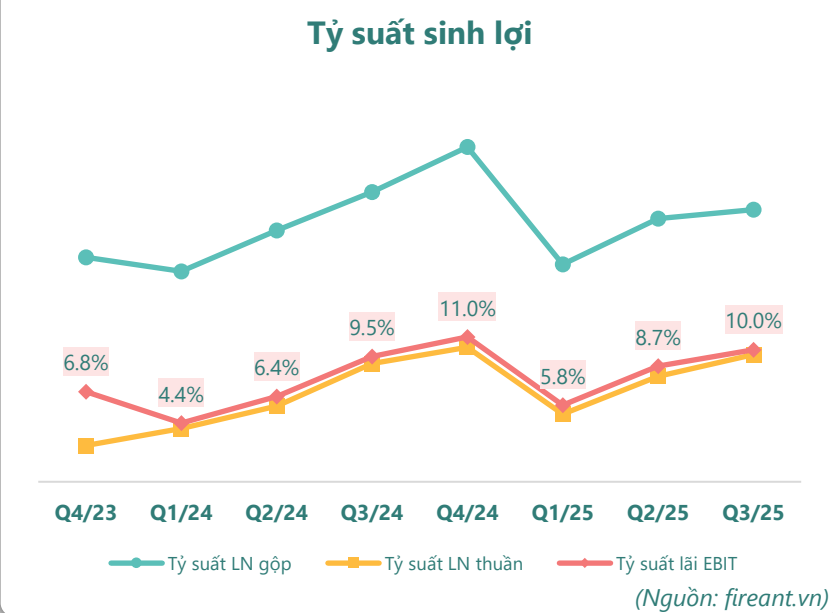
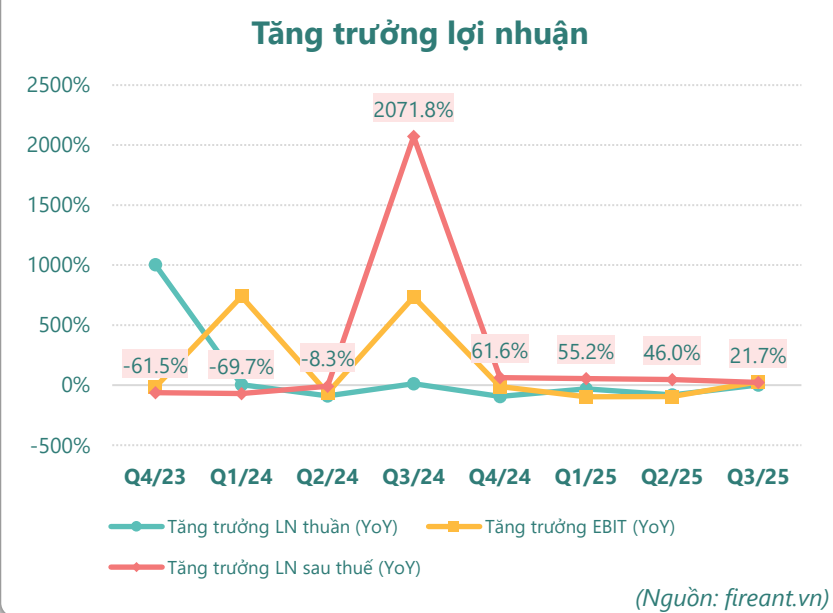
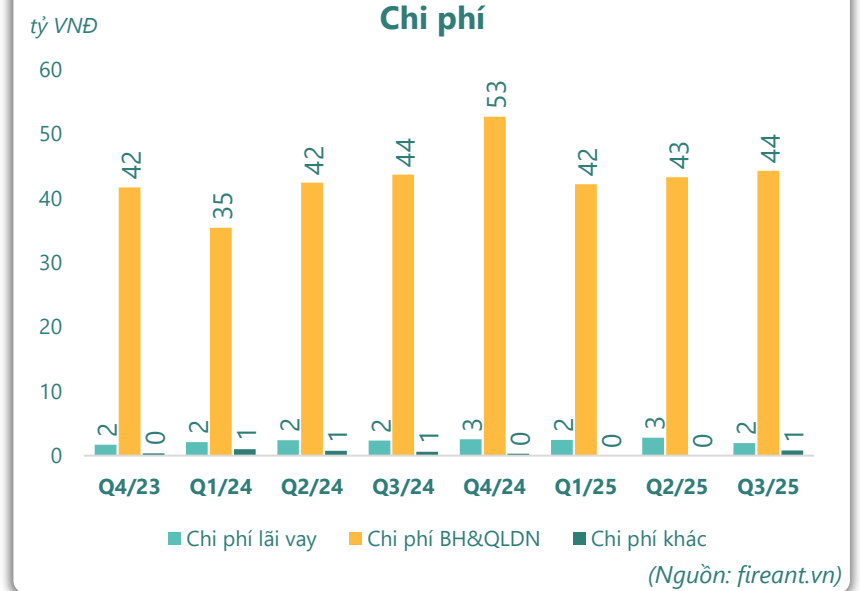
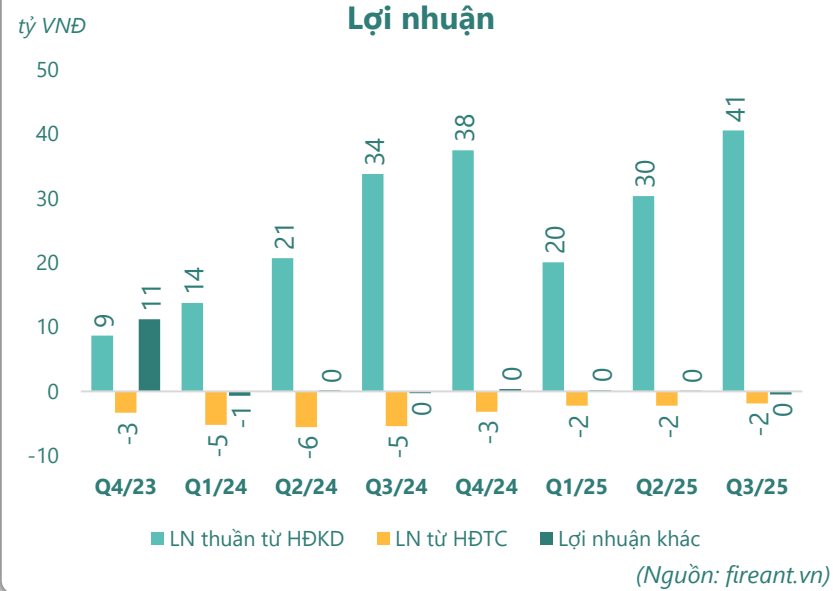
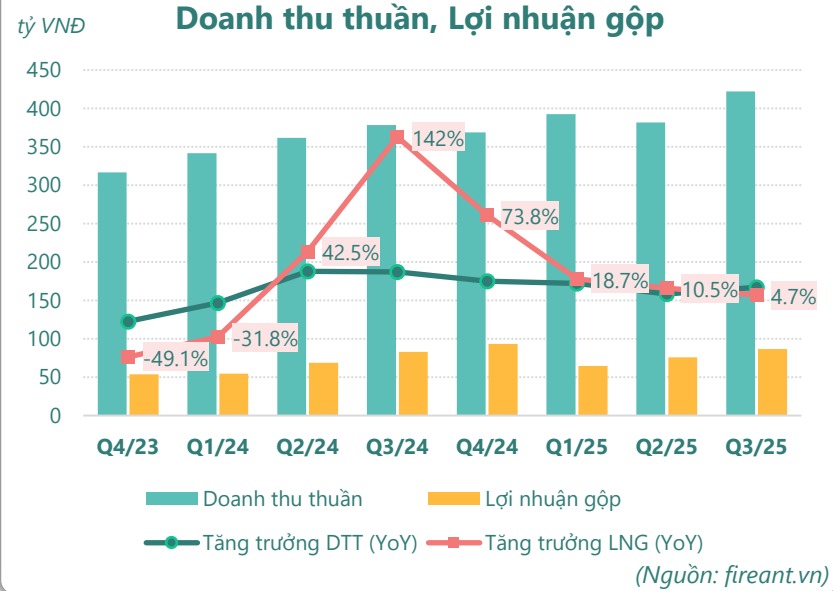
DT thuần 9T 2025
1,196
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 114 10.6%

LN thuần 9T 2025
91.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.8 33.3%

LN sau thuế 9T 2025
72.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.7 34.6%



KẾT QUẢ KINH DOANH

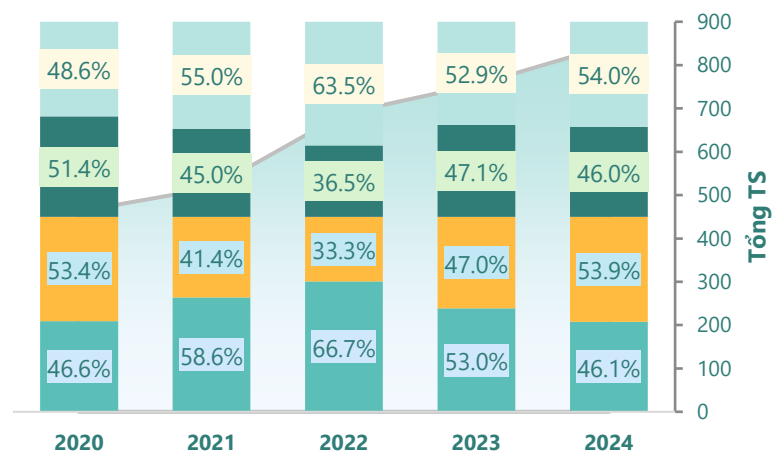




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

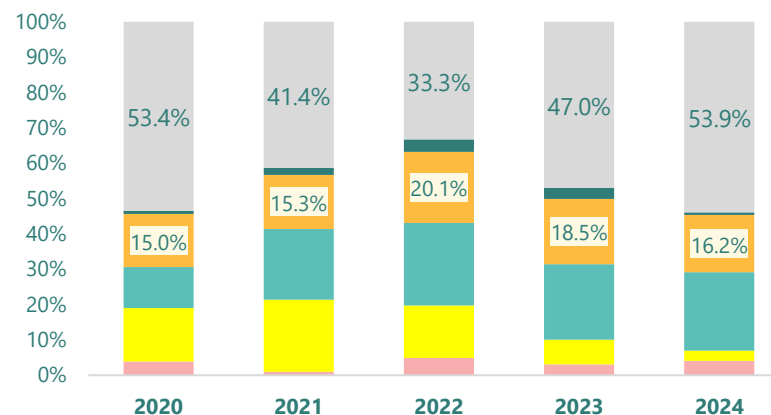
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

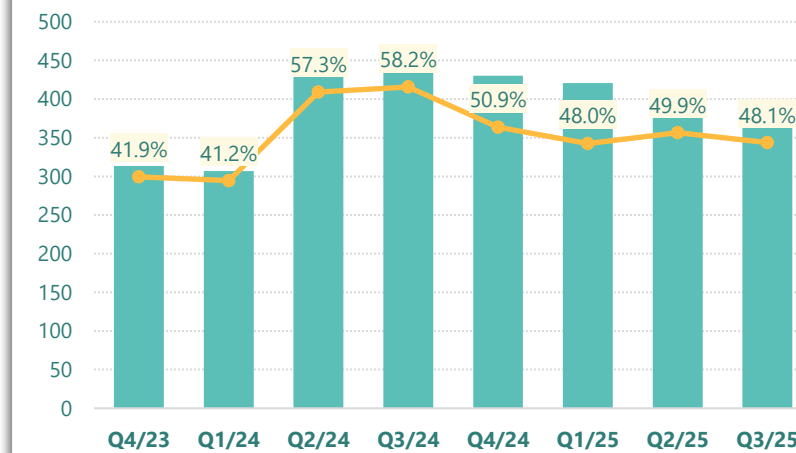


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

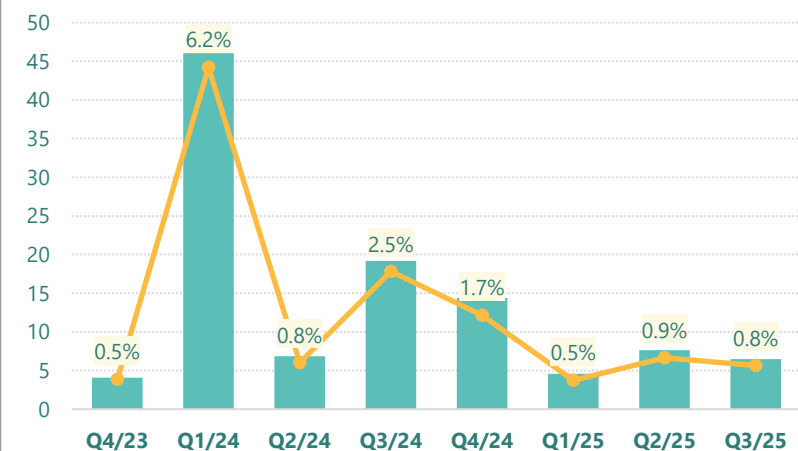


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

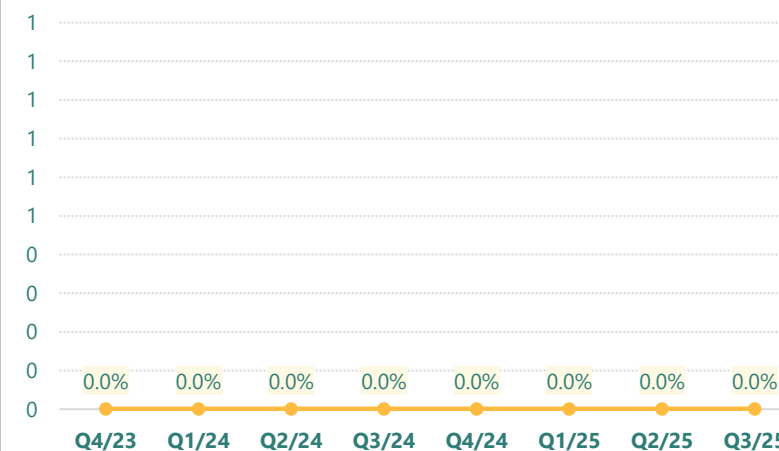


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

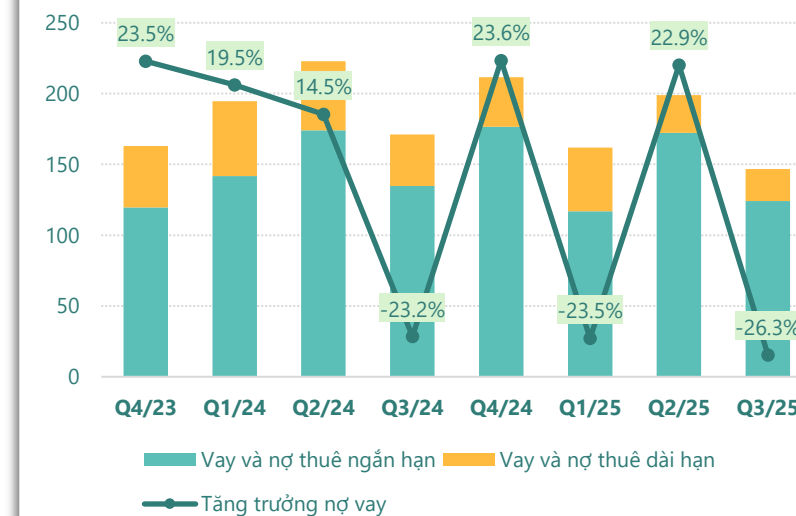


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

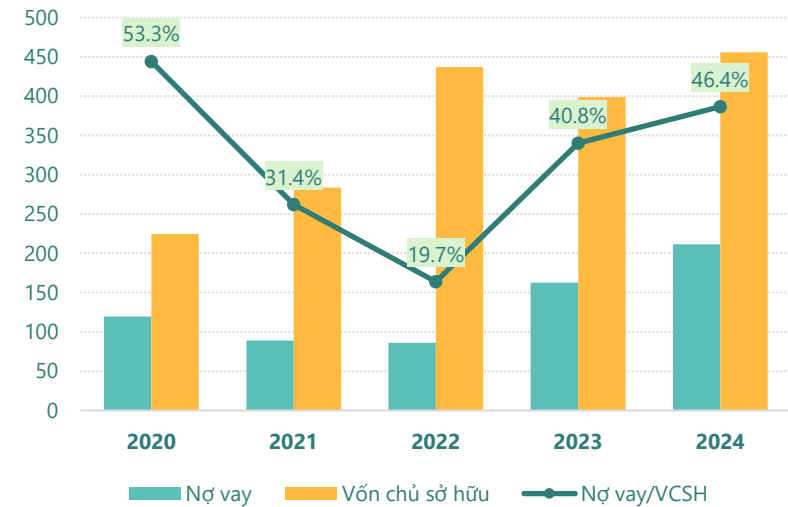
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

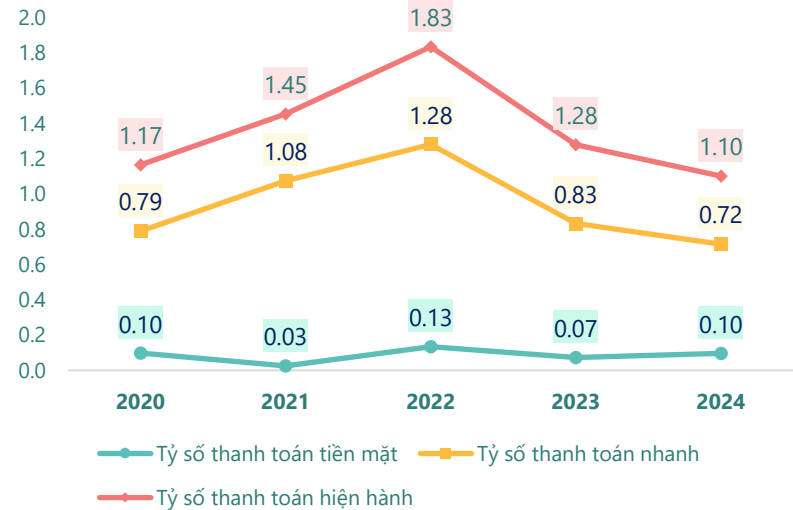
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



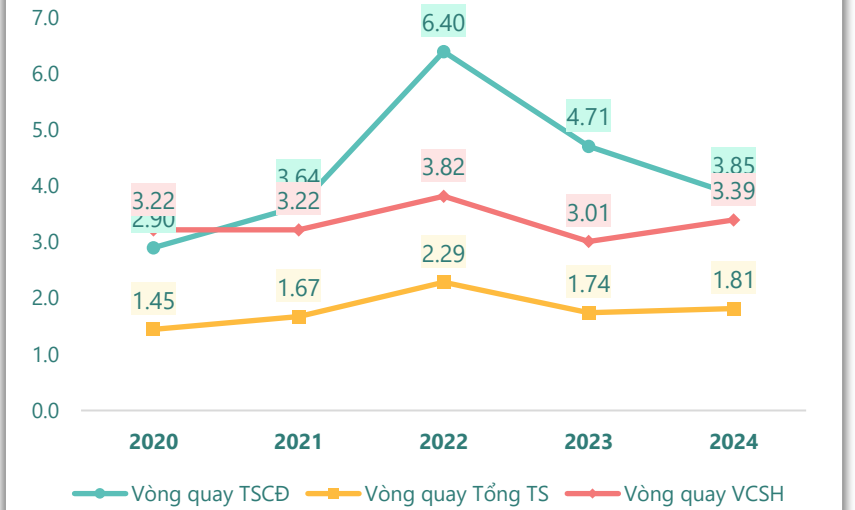
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



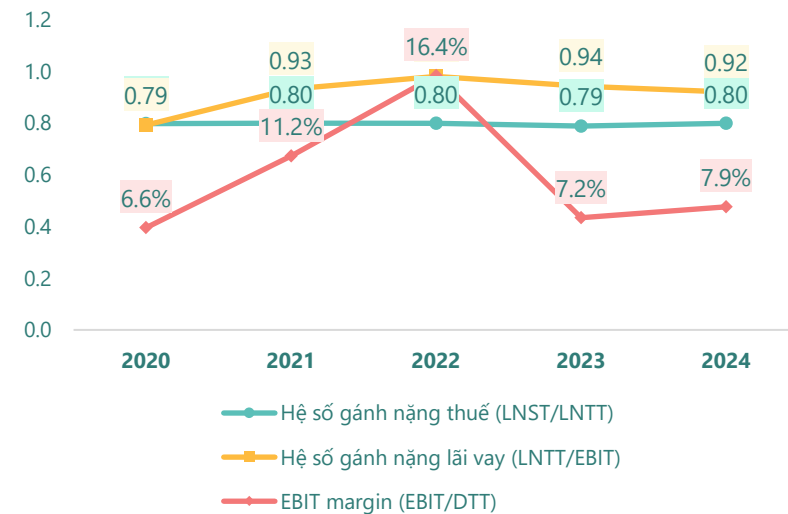
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



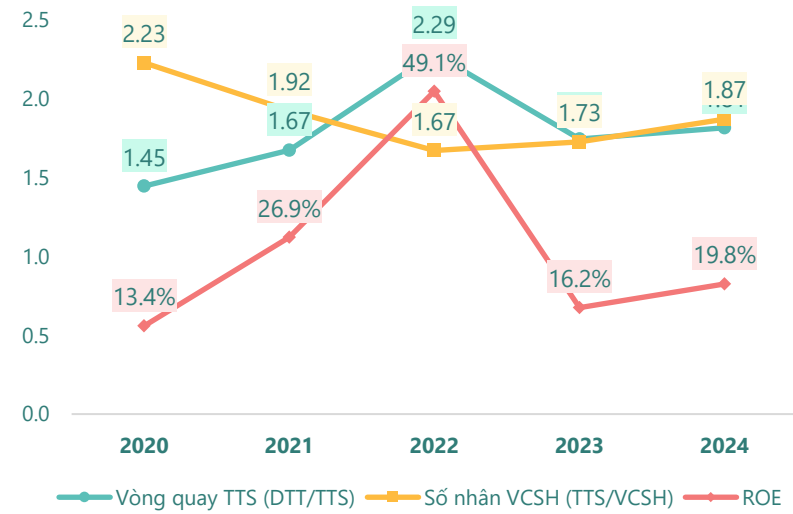
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



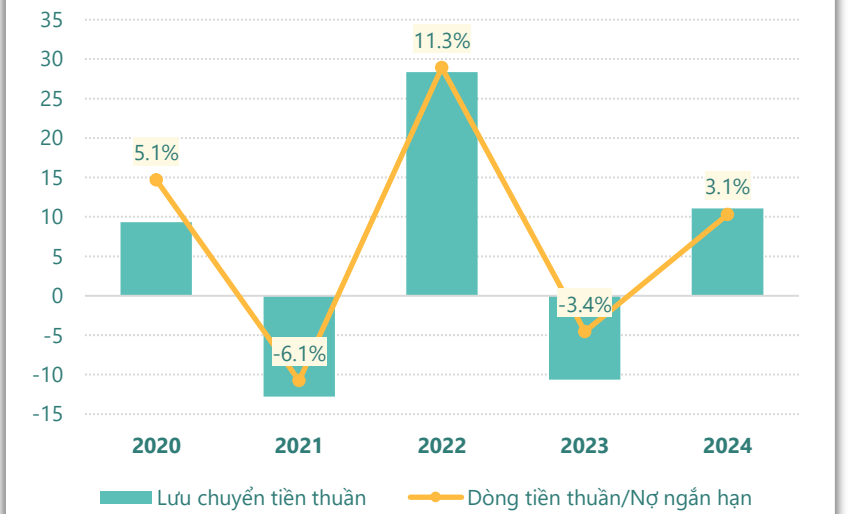
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	422	378	11.6%	1,196	1,082	10.6%
Giá vốn hàng bán	335	295	13.6%	969	876	10.6%
Lợi nhuận gộp	86.8	82.9	4.7%	227	206	10.3%
Doanh thu HĐTC	0.09	0.55	-83.0%	0.92	2.10	-56.3%
Chi phí TC	1.97	5.94	-66.8%	7.26	18.2	-60.1%
Chi phí lãi vay	1.97	2.36	-16.3%	7.26	6.87	5.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	27.2	27.1	0.2%	77.9	78.8	-1.1%
Chi phí QLDN	17.2	16.6	3.4%	52.0	42.8	21.4%
LN thuần từ HĐKD	40.6	33.8	20.1%	91.1	68.3	33.3%
Lợi nhuận khác	-0.46	-0.29	-57.3%	-0.14	-0.85	83.5%
LN trước thuế	40.2	33.5	19.9%	91.0	67.5	34.8%
Lợi nhuận sau thuế	32.0	26.8	19.2%	72.6	53.9	34.6%
LNST của CĐ cty mẹ	32.0	26.8	19.2%	72.6	53.9	34.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	146	60.2	22.2	67.3	-2.83	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-138	-17.5	-44.2	-1.19	-12.0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	28.1	-73.5	40.2	-49.6	-4.12	0
Tiền đầu kỳ	10.4	46.6	15.9	34.1	50.5	0
Lưu chuyển tiền thuần	36.2	-30.7	18.2	16.4	-19.0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	46.6	15.9	34.1	50.5	31.5	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	821	845	-2.8%
Tài sản ngắn hạn	416	389	6.8%
Tiền và tương đương tiền	40.4	34.1	18.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.6	24.5	-52.5%
Phải thu ngắn hạn	220	188	17.0%
Hàng tồn kho	141	137	2.9%
Tài sản ngắn hạn khác	3.81	6.62	-42.5%
Tài sản dài hạn	405	455	-11.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	395	441	-10.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.49	4.57	42.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.69	9.99	-63.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	343	389	-11.9%
Nợ ngắn hạn	320	354	-9.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	124	177	-29.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	52.2	86.7	-39.8%
Nợ dài hạn	22.6	35.1	-35.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	22.6	35.1	-35.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	479	456	4.9%
Vốn chủ sở hữu	479	456	4.9%
Vốn điều lệ	275	110	150%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

